

PHỤ LỤC 01: FLEXI**BIỂU A – TRONG HẠN**

Kỳ hạn	Cá nhân		Tổ chức
	Từ 50 triệu trở lên		Từ 1 tỷ trở lên
	Gross	Net (đã làm tròn)	Gross/Net (đã làm tròn)
3 ngày (chỉ áp dụng hình thức online)	2,105%	2,00%	2,00%
7 ngày	3,684%	3,50%	3,50%
14 ngày	3,947%	3,75%	3,75%
21 ngày	4,211%	4,00%	4,00%
26 ngày	5,263%	5,00%	5,00%
1 tháng	6,316%	6,00%	6,00%
2 tháng	6,579%	6,25%	6,25%
3 tháng	7,158%	6,80%	6,80%
6 tháng	8,000%	7,60%	7,60%
9 tháng	8,211%	7,80%	7,80%
12 tháng	8,737%	8,30%	8,30%

Ghi chú:

- Mức gross là mức chi phí PSI chi trả cho khách hàng;
- Mức net là mức chi phí thực tế khách hàng nhận được sau khi trừ thuế, phí liên quan.

BIỂU B – THANH LÝ TRƯỚC HẠN

Thời gian thực tế	Cá nhân		Tổ chức
	Gross	Net (đã làm tròn)	Gross/Net (đã làm tròn)
Dưới 7 ngày	0,211%	0,20%	0,20%
Từ 7 ngày đến dưới 14 ngày	0,526%	0,50%	0,50%
Từ 14 ngày đến dưới 21 ngày	0,526%	0,50%	0,50%
Từ 21 ngày đến dưới 30 ngày	0,526%	0,50%	0,50%
Từ 30 ngày đến dưới 60 ngày	2,105%	2,00%	2,00%
Từ 60 ngày đến dưới 90 ngày	2,632%	2,50%	2,50%
Từ 90 ngày đến dưới 180 ngày	3,684%	3,50%	3,50%
Từ 180 ngày đến dưới 270 ngày	4,211%	4,00%	4,00%
Từ 270 ngày trở lên	4,737%	4,50%	4,50%

Ghi chú:

- Đây là mức chi phí PSI chi trả trên phần giá trị khách hàng rút trước hạn. Phần giá trị đúng hạn còn lại vẫn được áp dụng theo Biểu A- Trong hạn.
- Khi khách hàng thanh lý trước hạn, biểu chi phí đền bù cơ hội được áp dụng là biểu có hiệu lực tại ngày khách hàng ký hợp đồng.

PHỤ LỤC 02: PRO
BIỂU X – TRONG HẠN

Kỳ hạn	Cá nhân		Tổ chức
	Từ 500 triệu trở lên		Từ 500 triệu trở lên
	Gross	Net (đã làm tròn)	Gross/Net (đã làm tròn)
1 tháng	6,21%	5,90%	5,90%
2 tháng	7,00%	6,65%	6,65%
3 tháng	7,53%	7,15%	7,15%
6 tháng	8,53%	8,10%	8,10%
9 tháng	8,74%	8,30%	8,30%
12 tháng	9,10%	8,65%	8,65%

Ghi chú:

- *Mức gross là mức chi phí PSI chi trả cho khách hàng;*
- *Mức net là mức chi phí thực tế khách hàng nhận được sau khi trừ thuế, phí liên quan.*

BIỂU Y – THANH LÝ TRƯỚC HẠN

Thời gian thực tế	Cá nhân		Tổ chức
	Gross	Net (đã làm tròn)	Gross/Net (đã làm tròn)
Dưới 6 tháng	Không thanh lý trước hạn		
Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng	4,211%	4,00%	4,00%
Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng	4,737%	4,50%	4,50%

Ghi chú:

- *Khách hàng không được thanh lý một phần hoặc toàn bộ HĐNV trước thời hạn 6 tháng.*
- *Đây là mức chi phí PSI chi trả trên phần giá trị khách hàng rút trước hạn. Phần giá trị đúng hạn còn lại vẫn được áp dụng theo Biểu X - Trong hạn.*
- *Khi khách hàng thanh lý trước hạn, biểu chi phí đền bù cơ hội được áp dụng là biểu có hiệu lực tại ngày khách hàng ký hợp đồng.*